

Bản án số: 107/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/3/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vương Vĩ Bửu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

2. Bà Quách Thị Bích Nga.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Vương Thanh Ngọc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:*

Bà Lê Thị Mỹ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 173/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà PNT - Sinh năm 1977.

Địa chỉ: xx đường yy, Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn yêu cầu vắng mặt).

Bị đơn: Ông NVL - Sinh năm 1976.

Địa chỉ: xx đường yy, Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại Đơn khởi kiện và các Biên bản lời khai lập tại Tòa án, nguyên đơn là bà PNT trình bày như sau:

BàT và ông NVL kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx, quyển số 01/2010 ngày xx/yy/2010 do Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông L trong những năm gần đây không có hạnh phúc, luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện giờ bà T và ông L đã không còn chung sống, tình cảm đối với nhau không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông L để hai bên không còn bị ràng buộc về mặt pháp lý.

\* Về con chung: Không có.

\* Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông NVL không đến Tòa án và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà T.

3. Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án nhân dân Quận 11 triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến như sau:

a) Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán chưa đảm bảo đúng thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn, chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát theo đúng quy định pháp luật.

b) Về nội dung vụ án:

- Yêu cầu ly hôn của bà PNT đối với ông NVL là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà PNT khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông NVL, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, ông NVL có nơi cư trú tại Quận 11 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:

Nguyên đơn là bà PNT có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn là ông NVL đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

### 3. Về yêu cầu của đương sự:

#### a) Xét yêu cầu của nguyên đơn:

##### \* Về quan hệ hôn nhân:

Bà PNT và ông NVL đăng ký kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống, giữa bàT và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, những mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bàT và ông L là không thể khắc phục, việc kéo dài quan hệ hôn nhân này không còn ý nghĩa và không mang lại hạnh phúc cho hai bên. Do đó, việc bàT yêu cầu ly hôn với ông L là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bàT.

##### \* Về con chung: Không có.

\* Về tài sản chung và nợ chung: BàT khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

#### b) Đối với bị đơn:

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường11, Quận 11: Ông NVL, sinh năm 1976 có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa chỉ: 169/24 đường Quân Sự, Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “ Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

(...) Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó ...”

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L đã không đến Tòa án để cung cấp ý kiến lời khai của mình về yêu cầu khởi kiện ly hôn của bàT và cũng không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ gì nên xem như ông L đã từ chối quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập cho và các văn bản tố tụng cho ông L đến Tòa án để lấy lời khai, tham gia các phiên hòa giải và các phiên tòa xét xử nhưng ông L đều vắng mặt, điều đó chứng tỏ ông L không có thiện chí muốn tiếp tục chung sống với bàT và chấp nhận ly hôn với bàT.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: BàT phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

5. Về việc Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến cho rằng Thẩm phán chưa đảm bảo đúng thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn, chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho

Viện kiểm sát theo đúng quy định pháp luật: Xét thấy, các vấn đề mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đã nêu là đúng nên Thẩm phán ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà PNT. Bà PNT được ly hôn với ông NVL.

Giấy chứng nhận kết hôn số xx, quyển số 01/2010 ngày xx/yy/2010 do Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà PNT chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà T đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0052875 ngày 19/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo: Bà PNT và ông NVL vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.11;
- CCTHADS Quận 11;
- UBND P. 11, Q.11;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vương Vĩ Bửu**

